

DANH SÁCH ĐỘI DỰ TUYỂN HSG THPT NĂM HỌC 2020-2021

STT	MÔN	HỌ LÓT	TÊN	TRƯỜNG	NỮ	LỚP	NƠI SINH	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	ĐỘI TUYỂN
1	Toán	NGUYỄN HOÀI	TRUNG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CT1	Lâm Đồng	26	1	2003	CHÍNH THỨC
2	Toán	PHAN HUỲNH TUẤN	KIỆT	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CT1	TP.HCM	29	7	2003	CHÍNH THỨC
3	Toán	NGUYỄN LÊ HOÀNG	DUY	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CT1	TP.HCM	24	12	2003	CHÍNH THỨC
4	Toán	ĐẶNG DƯƠNG MINH	NHẬT	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CT1	TP.HCM	19	1	2003	CHÍNH THỨC
5	Toán	NGUYỄN MINH	QUÂN	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		11CT	TP.HCM	3	3	2004	CHÍNH THỨC
6	Toán	TRẦN ĐỨC TRÍ	CƯỜNG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CT1	TP.HCM	21	10	2004	CHÍNH THỨC
7	Toán	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG	ANH	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	X	12CT	TP.HCM	2	4	2003	CHÍNH THỨC
8	Toán	NGUYỄN MINH	KHOA	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CT1	TP.HCM	28	8	2004	CHÍNH THỨC
9	Toán	NGUYỄN CÔNG DUY	NGUYỄN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CT1	TP.HCM	4	1	2004	DỰ BỊ
10	Toán	NGUYỄN NGỌC HUY	TRƯỜNG	THPT Nguyễn Thượng Hiền		12CT	Tây Ninh	9	2	2003	DỰ BỊ
11	Toán	NGUYỄN ANH	MINH	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CT1	TP.HCM	12	3	2004	DỰ BỊ
12	Toán	THÁI QUANG	PHÁT	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CT1	TP.HCM	18	3	2004	DỰ BỊ
13	Vật lý	LÊ THỨC ANH	QUÂN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CL1	TP.HCM	28	9	2003	CHÍNH THỨC
14	Vật lý	NGÔ QUỐC	BÌNH	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CL1	TP.HCM	3	12	2003	CHÍNH THỨC
15	Vật lý	LÊ	NGUYỄN	THPT Gia Định		12CL	TP.HCM	7	11	2003	CHÍNH THỨC
16	Vật lý	LAO VĨNH	KHANG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CL1	TP.HCM	16	3	2003	CHÍNH THỨC
17	Vật lý	HỒ BÌNH	TOÀN	THPT Mạc Đĩnh Chi		12A02	TP.HCM	5	4	2003	CHÍNH THỨC
18	Vật lý	HUỲNH GIA	DUY	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CL1	TP.HCM	21	9	2003	CHÍNH THỨC
19	Vật lý	HOÀNG ANH	HÙNG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CL1	Nam Định	29	4	2004	CHÍNH THỨC
20	Vật lý	ĐỖ HỒNG	PHÚC	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CL1	TP.HCM	25	8	2003	CHÍNH THỨC
21	Vật lý	NGHIÊM GIA	KHANG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CL1	TP.HCM	30	10	2003	DỰ BỊ
22	Vật lý	LÊ XUÂN	TRƯỜNG	THPT Gia Định		12CL	TP.HCM	6	2	2003	DỰ BỊ
23	Vật lý	NGÔ MINH	HÙNG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CL1	TP.HCM	16	7	2004	DỰ BỊ
24	Vật lý	TSU MINH	PHÁT	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CL1	TP.HCM	7	5	2003	DỰ BỊ
25	Hóa học	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CH1	TP.HCM	1	7	2003	CHÍNH THỨC
26	Hóa học	NGUYỄN TRẦN	KHÔI	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CH1	TP.HCM	27	1	2003	CHÍNH THỨC
27	Hóa học	HOÀNG ANH	ĐỨC	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CH1	TP.HCM	8	4	2004	CHÍNH THỨC
28	Hóa học	NGUYỄN MẠNH	DUY	THPT Nguyễn Thượng Hiền		12CH	TP.HCM	22	10	2003	CHÍNH THỨC
29	Hóa học	TRẦN PHẠM KHÁNH	DUY	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CH1	TP.HCM	12	1	2004	CHÍNH THỨC
30	Hóa học	NGUYỄN VIỆT	PHONG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CH1	hừa Thiên Hu	3	3	2004	CHÍNH THỨC

STT	MÔN	HỌ LÓT	TÊN	TRƯỜNG	NỮ	LỚP	NƠI SINH	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	ĐỘI TUYỂN
31	Hóa học	NGUYỄN MINH	TRÍ	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		12CH	TP.HCM	17	9	2003	CHÍNH THỨC
32	Hóa học	ĐÀO KHÁNH	THUẬN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CH1	TP.HCM	18	9	2004	CHÍNH THỨC
33	Hóa học	NGUYỄN MINH	TIỀN	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		12CH	TP.HCM	22	11	2003	CHÍNH THỨC
34	Hóa học	ĐINH THANH HUYỀN	LINH	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	X	12CH	TP.HCM	20	12	2003	CHÍNH THỨC
35	Hóa học	HÀ TRỌNG	HOÀNG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CH1	TP.HCM	8	12	2004	DỰ BỊ
36	Hóa học	ĐẶNG NGUYỄN ANH	KIỆT	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CH1	Hàn Quốc	24	1	2004	DỰ BỊ
37	Hóa học	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	DƯƠNG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CH1	TP.HCM	9	1	2004	DỰ BỊ
38	Hóa học	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		11CH	Thái Bình	1	1	2004	DỰ BỊ
39	Hóa học	LÂM QUỐC	BẢO	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		11CH	Vĩnh Long	22	8	2004	DỰ BỊ
40	Sinh học	LÊ HỮU	NGHĨA	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CSI	TP.HCM	22	12	2003	CHÍNH THỨC
41	Sinh học	HỒ TRỌNG	TƯỜNG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CSI	TP.HCM	11	1	2003	CHÍNH THỨC
42	Sinh học	NGUYỄN NGỌC UYÊN	PHƯƠNG	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CSI	TP.HCM	21	1	2003	CHÍNH THỨC
43	Sinh học	NGUYỄN NHƯ	NGHĨA	THPT Gia Định	X	11HS	TP.HCM	6	7	2004	CHÍNH THỨC
44	Sinh học	VÕ HÙNG	CƯỜNG	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		12CS	TP.HCM	24	11	2003	CHÍNH THỨC
45	Sinh học	TRẦN LƯU ĐÔNG	A	THPT Gia Định		12B1	TP.HCM	16	5	2003	CHÍNH THỨC
46	Sinh học	HUỖNH TÙNG	LINH	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CSI	TP.HCM	11	5	2003	CHÍNH THỨC
47	Sinh học	PHAN HOANG BAO	MINH	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CSI	TP.HCM	3	5	2003	CHÍNH THỨC
48	Sinh học	HÀ XUÂN	QUỲNH	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CSI	TP.HCM	17	4	2003	CHÍNH THỨC
49	Sinh học	HOÀNG QUỐC	MINH	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CSI-B	TP.HCM	15	8	2004	CHÍNH THỨC
50	Sinh học	THÁI GIA	BẢO	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		12CS	TP.HCM	4	8	2003	DỰ BỊ
51	Sinh học	ĐỖ LÊ PHÚC	THỊNH	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		11CS	TP.HCM	20	1	2004	DỰ BỊ
52	Sinh học	TRƯƠNG BẢO	KHANG	THPT Mạc Đĩnh Chi		12A20	Kiên Giang	11	4	2003	DỰ BỊ
53	Sinh học	CHÂU GIA	TUẤN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CSI-B	TP.HCM	1	3	2004	DỰ BỊ
54	Sinh học	LÊ HOÀNG KIM	ANH	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	11CSI-B	TP.HCM	11	9	2004	DỰ BỊ
55	Tin học	NGUYỄN THANH THẢO	LY	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CTIN	TP.HCM	29	12	2003	CHÍNH THỨC
56	Tin học	MAI KIẾN	QUỐC	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CTIN	TP.HCM	11	7	2003	CHÍNH THỨC
57	Tin học	HUỖNH ĐẶNG VĨNH	HIỀN	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		12CT	TP.HCM	8	1	2003	CHÍNH THỨC
58	Tin học	PHẠM VĂN TẤN	SANG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CTIN	TP.HCM	27	10	2003	CHÍNH THỨC
59	Tin học	LÊ VŨ NGÂN	LAM	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CTIN	TP.HCM	21	4	2003	CHÍNH THỨC
60	Tin học	VÕ NAM	ĐẶNG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CTIN	TP.HCM	22	9	2003	CHÍNH THỨC
61	Tin học	LƯU QUỐC	BẢO	THPT Gia Định		11CTin	TP.HCM	7	4	2004	CHÍNH THỨC
62	Tin học	NGUYỄN THÀNH	AN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CTIN-A	TP.HCM	1	3	2004	CHÍNH THỨC
63	Tin học	NGUYỄN HOÀNG	MINH	THPT Nguyễn Thượng Hiền		12A06	TP.HCM	31	8	2003	CHÍNH THỨC

STT	MÔN	HỌ LÓT	TÊN	TRƯỜNG	NỮ	LỚP	NƠI SINH	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	ĐỘI TUYỂN
64	Tin học	NGÔ HOÀNG	TUẤN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CTIN-A	TP.HCM	26	8	2004	CHÍNH THỨC
65	Tin học	NGUYỄN THANH PHƯỚC	LỘC	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CTIN-A	TP.HCM	21	1	2004	DỰ BỊ
66	Tin học	LÊ DUY	ANH	THPT Gia Định		11CTin	TP.HCM	17	4	2004	DỰ BỊ
67	Tin học	PHAN HẢI	MINH	THPT Gia Định		11CTin	TP.HCM	31	12	2004	DỰ BỊ
68	Tin học	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CTIN-A	TP.HCM	16	4	2004	DỰ BỊ
69	Tin học	VŨ NGỌC QUỐC	KHÁNH	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CTIN-A	TP.HCM	2	9	2004	DỰ BỊ
70	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	THPT Nguyễn Thượng Hiền	X	12A03	TP.HCM	18	9	2003	CHÍNH THỨC
71	Ngữ văn	TRẦN TRỌNG	ĐOÀN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CV1	TP.HCM	6	5	2004	CHÍNH THỨC
72	Ngữ văn	TRẦN PHAN BẢO	NGỌC	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CV1	TP.HCM	24	2	2003	CHÍNH THỨC
73	Ngữ văn	NGUYỄN LAN	THANH	THPT Gia Định	X	12CV	TP.HCM	7	6	2003	CHÍNH THỨC
74	Ngữ văn	TRẦN LÝ PHƯƠNG	HOA	THPT Mạc Đĩnh Chi	X	12A05	TP.HCM	28	1	2003	CHÍNH THỨC
75	Ngữ văn	VŨ MINH	ĐỨC	THPT Marie Curie		12D02	TP.HCM	6	7	2003	CHÍNH THỨC
76	Ngữ văn	PHẠM QUỲNH	NHƯ	THPT Nguyễn Thượng Hiền	X	12CV	TP.HCM	16	2	2003	DỰ BỊ
77	Ngữ văn	NGUYỄN NGỌC DIỄM	QUỲNH	THPT Nguyễn Thượng Hiền	X	12A09	TP.HCM	30	11	2003	DỰ BỊ
78	Lịch sử	ĐẶNG TUỜNG KIM	NGÂN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CV1	TP.HCM	7	9	2003	CHÍNH THỨC
79	Lịch sử	BÙI THỊ KIM	NGÂN	THPT Gia Định	X	11CV	TP.HCM	16	3	2004	CHÍNH THỨC
80	Lịch sử	LƯƠNG THUY HỒNG	LOAN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CV2	TP.HCM	29	5	2003	CHÍNH THỨC
81	Lịch sử	NGUYỄN HÀ QUỐC	BẢO	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CV1	TP.HCM	2	5	2004	CHÍNH THỨC
82	Lịch sử	LÊ HỮU	NHÂN	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		11CA3	TP.HCM	6	12	2004	CHÍNH THỨC
83	Lịch sử	VŨ TRẦN KIỀU	PHAN	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	X	11CA3	TP.HCM	30	5	2004	CHÍNH THỨC
84	Lịch sử	PHẠM NHẬT	TIẾN	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		11A2	TP.HCM	17	9	2004	DỰ BỊ
85	Lịch sử	NGÔ TUỜNG	VI	THPT Nguyễn Thượng Hiền	X	12CV	TP.HCM	21	12	2003	DỰ BỊ
86	Lịch sử	LÊ THIÊN	PHÚC	THPT Mạc Đĩnh Chi		12A23	TP.HCM	13	6	2003	DỰ BỊ
87	Địa lý	LƯƠNG QUANG	KHAI	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12D	Lâm Đồng	14	2	2003	CHÍNH THỨC
88	Địa lý	NGUYỄN LÊ VĨNH	NGUYỄN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CH1	TP.HCM	1	9	2003	CHÍNH THỨC
89	Địa lý	HUỲNH LAN	ANH	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	11CA3	Đồng Nai	27	8	2004	CHÍNH THỨC
90	Địa lý	DUƠNG TRUNG	HIẾU	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11A2	TP.HCM	29	7	2004	CHÍNH THỨC
91	Địa lý	NGUYỄN GIA	NGHI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	11A1	TP.HCM	22	4	2004	CHÍNH THỨC
92	Địa lý	VŨ HOÀI	CƯƠNG	THPT Mạc Đĩnh Chi		11A03	TP.HCM	5	10	2004	CHÍNH THỨC
93	Địa lý	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	11A2	Tây Ninh	8	2	2004	DỰ BỊ
94	Địa lý	NGUYỄN LÊ MINH	HIỀN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CA1	TP.HCM	12	2	2003	DỰ BỊ
95	Địa lý	LÊ TÙNG BẢO	ÂN	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		11A06	TP.HCM	7	6	2004	DỰ BỊ
96	Tiếng Anh	BÙI QUỐC	KHAI	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		11CA2	TP.HCM	6	8	2004	CHÍNH THỨC

STT	MÔN	HỌ LÓT	TÊN	TRƯỜNG	NỮ	LỚP	NƠI SINH	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	ĐỘI TUYỂN
97	Tiếng Anh	VÕ PHẠM ANH	KHOA	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		12CA1	TP.HCM	27	6	2003	CHÍNH THỨC
98	Tiếng Anh	LƯU THỊ VÂN	QUỲNH	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CA1	TP.HCM	11	11	2003	CHÍNH THỨC
99	Tiếng Anh	HỒ ĐÌNH XUÂN	KHANH	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	X	11CA2	TP.HCM	20	11	2004	CHÍNH THỨC
100	Tiếng Anh	NGUYỄN TRẦN TRỌNG	NHÂN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CA1	TP.HCM	9	7	2003	CHÍNH THỨC
101	Tiếng Anh	NGUYỄN LÊ UYÊN	NHI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CA1	Bình Định	21	5	2003	CHÍNH THỨC
102	Tiếng Anh	NGUYỄN ĐỨC	HUY	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CA3	TP.HCM	13	6	2004	CHÍNH THỨC
103	Tiếng Anh	DƯƠNG TUẤN	KHAI	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CA1	TP.HCM	29	4	2004	CHÍNH THỨC
104	Tiếng Anh	TRẦN THẾ	MINH	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CA1	TP.HCM	8	3	2003	CHÍNH THỨC
105	Tiếng Anh	TRẦN PHƯỚC	THỊNH	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CA1	TP.HCM	29	10	2003	CHÍNH THỨC
106	Tiếng Anh	LÊ PHÚ ANH	KHANG	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		11CA2	TP.HCM	9	10	2004	DỰ BỊ
107	Tiếng Anh	NGUYỄN PHAN TUYẾT	NHI	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	X	12CA2	TP.HCM	23	6	2003	DỰ BỊ
108	Tiếng Anh	NGUYỄN HƯNG	THỊNH	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		11CA2	TP.HCM	20	4	2004	DỰ BỊ
109	Tiếng Anh	LÊ MINH	KHÔI	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12CA1	TP.HCM	2	11	2003	DỰ BỊ
110	Tiếng Anh	TRẦN THỊ ANH	THƯ	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	X	12CA1	TP.HCM	18	2	2003	DỰ BỊ
111	Tiếng Pháp	NGUYỄN VÕ TRÚC	HÀ	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12SN	TP.HCM	15	4	2003	CHÍNH THỨC
112	Tiếng Pháp	TRẦN DIỄM THẢO	NGHI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12SN	TP.HCM	6	10	2003	CHÍNH THỨC
113	Tiếng Pháp	LÊ CÁT MỸ	TRẦN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	11CP	hừa Thiên Hu	1	9	2004	CHÍNH THỨC
114	Tiếng Pháp	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CP	TP.HCM	12	12	2004	CHÍNH THỨC
115	Tiếng Pháp	TRƯƠNG MINH	KHÁNH	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	11CP	TP.HCM	2	12	2004	CHÍNH THỨC
116	Tiếng Pháp	NGUYỄN XUÂN	DIỆP	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12SN	TP.HCM	1	10	2003	CHÍNH THỨC
117	Tiếng Pháp	NGUYỄN HOÀNG	DUNG	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12SN	TP.HCM	16	9	2003	CHÍNH THỨC
118	Tiếng Pháp	BÙI BÁ	TRUNG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CP	TP.HCM	25	8	2004	CHÍNH THỨC
119	Tiếng Pháp	CHÂU BẢO	NGỌC	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	11CP	TP.HCM	1	8	2004	CHÍNH THỨC
120	Tiếng Pháp	NGUYỄN MINH	NHỰT	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12SN	TP.HCM	26	10	2003	CHÍNH THỨC
121	Tiếng Pháp	ĐÌNH ĐỨC	HUY	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CP	TP.HCM	27	8	2004	DỰ BỊ
122	Tiếng Pháp	VŨ HOÀNG	NGUYỄN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		12SN	TP.HCM	21	10	2003	DỰ BỊ
123	Tiếng Pháp	TÔN THẮT TUẤN	ANH	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CP	TP.HCM	28	4	2004	DỰ BỊ
124	Tiếng Pháp	NGUYỄN SONG ĐAN	THANH	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	11CP	TP.HCM	27	1	2004	DỰ BỊ
125	Tiếng Pháp	PHẠM NGUYỄN THÁI	SƠN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CP	TP.HCM	16	1	2004	DỰ BỊ
126	Tiếng Trung	ĐẶNG Y	KỶ	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CTR-N	TP.HCM	20	6	2003	CHÍNH THỨC
127	Tiếng Trung	PHẠM NGỌC THÚY	QUỲNH	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CTR-N	TP.HCM	11	3	2003	CHÍNH THỨC
128	Tiếng Trung	HUỲNH HUỆ	TÂM	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CTR-N	TP.HCM	14	2	2003	CHÍNH THỨC
129	Tiếng Trung	QUAN KIẾN	TÂN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CTR-N	TP.HCM	6	5	2004	CHÍNH THỨC

STT	MÔN	HỌ LÓT	TÊN	TRƯỜNG	NỮ	LỚP	NƠI SINH	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	ĐỘI TUYỂN
130	Tiếng Trung	TÔ TUYẾT	NGỌC	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CTR-N	TP.HCM	4	7	2003	CHÍNH THỨC
131	Tiếng Trung	VƯƠNG BÌNH	LIÊM	THPT chuyên Lê Hồng Phong		11CTR-N	TP.HCM	10	6	2004	CHÍNH THỨC
132	Tiếng Trung	LIAW GIA	HÂN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CTR-N	TP.HCM	4	7	2001	CHÍNH THỨC
133	Tiếng Trung	THÁI HUỆ	MÃN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	11CTR-N	TP.HCM	21	1	2004	CHÍNH THỨC
134	Tiếng Trung	TRƯỜNG GIA	ÂN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CTR-N	TP.HCM	28	11	2003	CHÍNH THỨC
135	Tiếng Trung	NGUYỄN ĐÌNH	AN	THPT chuyên Lê Hồng Phong		10CTR-N	TP.HCM	22	9	2005	CHÍNH THỨC
136	Tiếng Trung	LÝ Y	LUÂN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	11CTR-N	TP.HCM	18	7	2004	DỰ BỊ
137	Tiếng Trung	HUỖNH TUYẾT	NGHI	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	12CTR-N	TP.HCM	13	1	2003	DỰ BỊ
138	Tiếng Trung	TRẦN THI	TRẦN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	X	11CTR-N	TP.HCM	12	7	2004	DỰ BỊ
139	Tiếng Trung	TRẦN TUẤN	LONG	THPT chuyên Lê Hồng Phong		10CTR-N	TP.HCM	12	8	2005	DỰ BỊ
140	Tiếng Trung	LÂM PHƯỚC	THẠNH	THPT chuyên Lê Hồng Phong		10CTR-N	TP.HCM	13	12	2005	DỰ BỊ

Tổng cộng danh sách có 94 học sinh trong đội tuyển chính thức, 46 học sinh trong đội tuyển dự bị.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu